

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *421* /TT-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày *16* tháng *3* năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh: huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Bố Trạch tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023; huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Minh Hoá tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 và huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đến tháng 03 năm 2023

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 3.989,08 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đến tháng 03 năm 2023

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 2,90 ha;

(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án như: lập, phê duyệt dự án đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư, lập quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng... nên dự án khó thực hiện hoàn thành trong một năm mà phải thực hiện trong nhiều năm mới hoàn thành.

3. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật; đồng thời, có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng nay đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô, tên gọi nên cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các dự án đầu tư. Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Bổ sung, điều chỉnh 32 dự án, gồm:

1. Bổ sung mới 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 74,12 ha, trong đó: 6,32 ha đất trồng lúa; 0,68 ha đất rừng phòng hộ và 67,12 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013), cụ thể:

- Diện tích trước điều chỉnh là 24,64 ha, trong đó: 4,14 ha đất trồng lúa và 20,50 ha các loại đất khác.

- Diện tích sau điều chỉnh là 31,70 ha (tăng 7,06 ha), trong đó: 5,01 ha đất trồng lúa (tăng 0,87 ha); 1,90 ha đất rừng phòng hộ (tăng 1,90 ha) và 24,79 ha các loại đất khác (tăng 4,29 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH(Kèm theo Tờ trình số: **42** /TTr-UBND ngày **16** tháng **5** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
I	Bổ sung 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			74,12	6,32	0,68	67,12	
1	Nghĩa trang nhân dân xã An Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	3,00			3,00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Chủ tịch nước về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
2	Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá	Tân Hoá	Minh Hoá	22,45			22,45	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và phương án phân bổ vốn các dự án vùng thiên tai cấp bách sử dụng nguồn vốn Dự phòng ngân sách trung ương năm 2022
3	Kè và khuôn viên trường mầm non Trường Xuân (Khu trung tâm)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0,50			0,50	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 24/11/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình dự án sử dụng ngân sách huyện (giai đoạn 2023-2025) (PL77)
4	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Nguyệt Áng - Nam Long đi Trường Xuân	Tân Ninh, Xuân Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	3,00	0,90		2,10	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của HĐND huyện Quảng Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường cứu hộ, cứu nạn từ Nguyệt Áng - Nam Long đi Trường Xuân
5	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	1,97		0,68	1,29	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL23)
6	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hoá và Hương Hoá	Hương Hoá, Phong Hoá	Tuyên Hoá	4,04	0,30		3,74	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
7	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hoá - Kim Hoá	Kim Hoá, Lê Hoá	Tuyên Hoá	5,42	0,11		5,31	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
8	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê	Tuyên Hoá	3,16	0,40		2,76	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
9	Nâng cấp đường Ngô Quyền đoạn từ đường Lê Lợi đi đường Trần Phú	Đồng Lê	Tuyên Hoá	0,23			0,23	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tuyên Hoá
10	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá, Thuận Hoá	Tuyên Hoá	4,11			4,11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
11	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá	Tuyên Hoá	2,05	0,10		1,95	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
12	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hoá	Cao Quảng	Tuyên Hoá	3,32	0,05		3,27	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hoá, huyện Tuyên Hoá	Mai Hoá	Tuyên Hoá	2,16	0,41		1,75	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
14	Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá	Thạch Hoá	Tuyên Hoá	3,19	0,05		3,14	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
15	Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Hợp	Quảng Trạch	8,20	4,00		4,20	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và phương án phân bổ vốn các dự án vùng thiên tai cấp bách sử dụng nguồn vốn Dự phòng ngân sách trung ương năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác		
16	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,80			0,80	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	
17	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Phú Định, TTNT Việt Trung	Bố Trạch	6,00			6,00	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý (PL61)	
18	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (Giai đoạn 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0,52			0,52	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý	
II	Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)	Đã phê duyệt		24,64	4,14		20,50		
		Nay điều chỉnh		31,70	5,01	1,90	24,79		
1	Nâng cấp đường từ phía Nam nhà văn hoá thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Đã phê duyệt	Gia Ninh	Quảng Ninh	2,80			2,80	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh	Quảng Ninh	1,52		0,32	1,20	
2	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Đã phê duyệt	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2,50			2,50	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2,32		1,58	0,74	
3	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bố Trạch	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,50			0,50	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,62	0,60		0,02	
4	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,50	0,50			Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,65	0,56		0,09	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
5	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	2,00			2,00	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1); Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch
	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,90			4,90	
6	Hạ tầng kết nối giao thông từ xã Cảnh Dương đi Quốc lộ 1	Đã phê duyệt	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2,58	0,97		1,61	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kết nối giao thông từ xã Cảnh Dương đi Quốc lộ 1; Công văn số 17/HĐND ngày 18/3/2022 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc điều chỉnh tên dự án tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/4/2021 của Hội đồng nhân dân huyện
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tuyến đường từ trung tâm xã Cảnh Dương đi xã Quảng Tùng	Nay điều chỉnh	Cảnh Dương, Quảng Tùng	Quảng Trạch	2,58	0,97		1,61	
7	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,40			0,40	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0,50			0,50	
8	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	3,12	0,93		2,19	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	3,55	0,75		2,80	
9	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Phú Định	Bố Trạch	4,35			4,35	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Phú Định	Bố Trạch	4,46			4,46	
10	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Tây Trạch	Bố Trạch	0,96	0,86		0,10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Tây Trạch	Bố Trạch	1,50	1,24		0,26	
11	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	NT Việt Trung	Bố Trạch	2,51			2,51	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	NT Việt Trung	Bố Trạch	5,03			5,03	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác		
12	Khu tái định cư khu vực Đồng Lớn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0,86			0,86	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	1,61			1,61	
13	Trường mầm non Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0,74	0,53		0,21	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	0,78	0,54		0,24	
14	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0,82	0,35		0,47	Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	1,68	0,35		1,33	
Tổng (I+II): 32 dự án					105,82	11,33	2,58	91,91	

Ghi chú: 32 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số 42 /TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)									Đất rừng phòng hộ (ha)									Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn tỉnh	Trong đó								Toàn tỉnh	Trong đó									
			Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	3.489,03	542,40	356,96	506,40	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	-	0
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																				
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																				
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	-	
2	Kết quả thực hiện	2,90	-	1,28	1,62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2,90	-	1,28	1,62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	3.486,13	542,40	355,68	504,78	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	0,00	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **421** /TTr-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	542,40	161,59	0,00	Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lệ Thủy
2	Kết quả thực hiện	0,00	0,00	0,00	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	0,00	0,00	0,00	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	542,40	161,59	0,00	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **421** /TT-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	Toàn huyện	
			Xã Vĩnh Ninh	Xã Lương Ninh	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	356,96	22,16	89,33	245,47	24,04	0	Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	1,28	0,96	0,32	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	1,28	0,96	0,32	0,00			* Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 3); * Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty xăng dầu Quảng Bình thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng cửa hàng xăng dầu Lương Ninh tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	355,68	21,20	89,01	245,47	24,04		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **421** /TT-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thành phố	Trong đó			Toàn thành phố	Toàn thành phố	
			Phường Bắc Nghĩa	Xã Lộc Ninh	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	506,40	86,11	64,91	355,38	52,77	0	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới
2	Kết quả thực hiện	1,62	0,02	1,60	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	1,62	0,02	1,60	0			* Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở Văn hóa Thể thao thực hiện dự án Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 1); * Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung thuê đất để thực hiện dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV từ TBA 220KV Đồng Hới- TBA 110KV Đồng Hới tại phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới;
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	504,78	86,09	63,31	355,38			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **421** /TTr-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.021,50	24,03	0	Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch
2	Kết quả thực hiện	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	0	0	0	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.021,50	24,03	0,00	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **44** /TTr-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Toàn thị xã	Toàn thị xã	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	97,00	0	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	0	0	0	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	533,11	97,00	0,00	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **APU** /TTr-UBND ngày **16** tháng **5** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	389,19	22,14	0	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch
2	Kết quả thực hiện	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện	0	0	0	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	389,19	22,14	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **41** /TTr-UBND ngày **16** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	82,06	41,78	0	Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	0	0	0	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	82,06	41,78	0,00	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 41 /TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023	57,41	76,70	0	Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện	0	0	0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	0	0	0	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	57,41	76,70	0	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật Đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ
sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh 32 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng
đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Cụ thể:

1. Bổ sung mới 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của
Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trong

lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 74,12 ha, trong đó: 6,32 ha đất trồng lúa; 0,68 ha đất rừng phòng hộ và 67,12 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 31,70 ha, bao gồm: 5,01 ha đất trồng lúa; 1,90 ha đất rừng phòng hộ và 24,79 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
I	Bổ sung 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			74,12	6,32	0,68	67,12
1	Nghĩa trang nhân dân xã An Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	3,00			3,00
2	Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá	Tân Hoá	Minh Hoá	22,45			22,45
3	Kè và khuôn viên trường mầm non Trường Xuân (Khu trung tâm)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0,50			0,50
4	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Nguyệt Áng - Nam Long đi Trường Xuân	Tân Ninh, Xuân Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	3,00	0,90		2,10
5	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	1,97		0,68	1,29
6	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hoá và Hương Hoá	Hương Hoá, Phong Hoá	Tuyên Hoá	4,04	0,30		3,74

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
7	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hoá - Kim Hoá	Kim Hoá, Lê Hoá	Tuyên Hoá	5,42	0,11		5,31
8	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê	Tuyên Hoá	3,16	0,40		2,76
9	Nâng cấp đường Ngô Quyền đoạn từ đường Lê Lợi đi đường Trần Phú	Đồng Lê	Tuyên Hoá	0,23			0,23
10	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá, Thuận Hoá	Tuyên Hoá	4,11			4,11
11	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá	Tuyên Hoá	2,05	0,10		1,95
12	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hoá	Cao Quảng	Tuyên Hoá	3,32	0,05		3,27
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hoá, huyện Tuyên Hoá	Mai Hoá	Tuyên Hoá	2,16	0,41		1,75
14	Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá	Thạch Hoá	Tuyên Hoá	3,19	0,05		3,14
15	Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Hợp	Quảng Trạch	8,20	4,00		4,20
16	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,80			0,80
17	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Phú Định, TTNT Việt Trung	Bố Trạch	6,00			6,00
18	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (Giai đoạn 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0,52			0,52

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
II	Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)	Đã phê duyệt		24,64	4,14		20,50
		Nay điều chỉnh		31,70	5,01	1,90	24,79
1	Nâng cấp đường từ phía Nam nhà văn hoá thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Đã phê duyệt	Gia Ninh	Quảng Ninh	2,80		2,80
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh	Quảng Ninh	1,52	0,32	1,20
2	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Đã phê duyệt	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2,50		2,50
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2,32	1,58	0,74
3	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bồ Trạch	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bồ Trạch	0,50		0,50
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bồ Trạch	0,62	0,60	0,02
4	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,50	0,50	
		Nay điều chỉnh	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,65	0,56	0,09
5	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	2,00		2,00
	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	4,90		4,90
6	Hạ tầng kết nối giao thông từ xã Cảnh Dương đi Quốc lộ 1	Đã phê duyệt	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2,58	0,97	1,61
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tuyến đường từ trung tâm xã Cảnh Dương đi xã Quảng Tùng	Nay điều chỉnh	Cảnh Dương, Quảng Tùng	Quảng Trạch	2,58	0,97	1,61

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
7	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,40			0,40
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0,50			0,50
8	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	3,12	0,93		2,19
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	3,55	0,75		2,80
9	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Phú Định	Bố Trạch	4,35			4,35
		Nay điều chỉnh	Phú Định	Bố Trạch	4,46			4,46
10	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Tây Trạch	Bố Trạch	0,96	0,86		0,10
		Nay điều chỉnh	Tây Trạch	Bố Trạch	1,50	1,24		0,26
11	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	NT Việt Trung	Bố Trạch	2,51			2,51
		Nay điều chỉnh	NT Việt Trung	Bố Trạch	5,03			5,03
12	Khu tái định cư khu vực Đồng Lớn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,86			0,86
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1,61			1,61

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
13	Trường mầm non Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,74	0,53		0,21
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	0,78	0,54		0,24
14	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Năm	Bố Trạch	0,82	0,35		0,47
		Nay điều chỉnh	Cự Năm	Bố Trạch	1,68	0,35		1,33
Tổng (I+II): 32 dự án					105,82	11,33	2,58	91,91

Ghi chú: 32 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng

